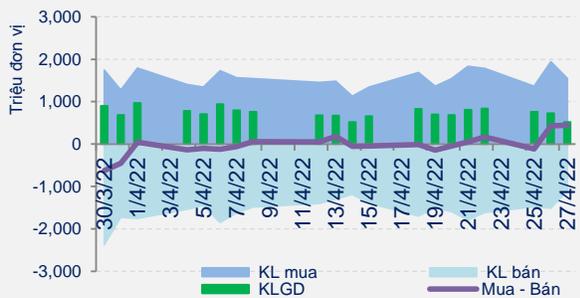


# MARKET LENS

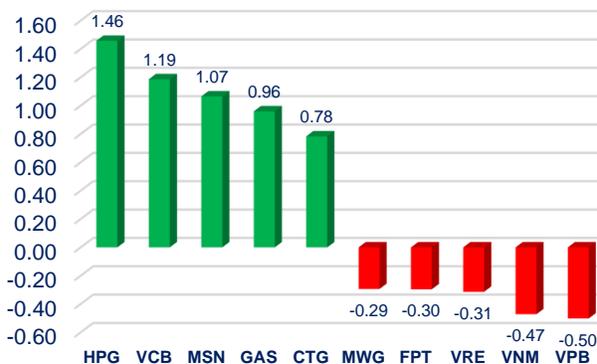
Phiên giao dịch ngày: 27/4/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,353.77	357.09
% Thay đổi	↑ 0.93%	↑ 3.45%
KLGD (CP)	519,955,426	87,083,614
GTGD (tỷ đồng)	14,587.28	2,030.84
Tổng cung (CP)	1,100,353,500	84,408,600
Tổng cầu (CP)	1,545,965,400	99,796,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	51,348,906	84,221
KL mua (CP)	36,524,406	244,700
GT mua (tỷ đồng)	1,642.54	4.99
GT bán (tỷ đồng)	1,895.77	1.78
GT ròng (tỷ đồng)	(253.23)	3.21

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**


## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trong phiên thứ hai liên tiếp nhưng với thanh khoản suy giảm mạnh.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 12,43 điểm (+0,93%) lên 1.353,77 điểm. Độ rộng là tích cực với 299 mã tăng (47 mã tăng trần), 58 mã tham chiếu, 123 mã giảm (1 mã giảm sàn). HNX-Index tăng 11,92 điểm (+3,45%) lên 357,09 điểm. Độ rộng là tích cực với 186 mã tăng (25 mã tăng trần), 32 mã tham chiếu, 42 mã giảm (7 mã giảm sàn).

Thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất với giá trị giao dịch chỉ đạt 15.017 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 576 triệu cổ phiếu.

Thị trường giao dịch với sắc đỏ trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhưng lực cầu gia tăng từ giữa phiên chiều trở đi đã giúp chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trong sắc xanh.

Các nhóm ngành mang tính thị trường cao như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, xây dựng, dầu khí, thép... đều có sự đảo chiều khá ấn tượng từ mức giảm trong phiên sáng để kết phiên với mức tăng trong phiên chiều.

Trong đó nhóm bất động sản với DIG (+7%), CEO (+9,8%), ITA (+6,9%), IDC (+9,9%), FLC (+6,9%), HQC (+6,9%)..., xây dựng với HUT (+10%), ROS (+6,9%), HBC (+7%), DPG (+6,9%)... có lẽ là tích cực nhất với nhiều mã tăng trần trong phiên hôm nay.

Nhóm vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,37%) tuy tăng kém hơn trước đó và cũng thấp hơn mức tăng của thị trường chung nhưng cũng kết phiên với 14/30 mã tăng để củng cố đà tăng của thị trường, có thể kể đến HPG (+3,2%), STB (+2,9%), MSN (+2,6%), CTG (+2,4%), GVR (+2,1%), HDB (+2%)...

Khối ngoại bán ròng trên HOSE với giá trị ròng 261,18 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 12,8 triệu cổ phiếu. VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 44,9 tỷ đồng. Tiếp theo là DXG với 37,2 tỷ đồng và DIG với 36,9 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là DGC với 36,1 tỷ đồng. Tiếp theo là MSN với 34,6 tỷ đồng và BCM với 34 tỷ đồng.

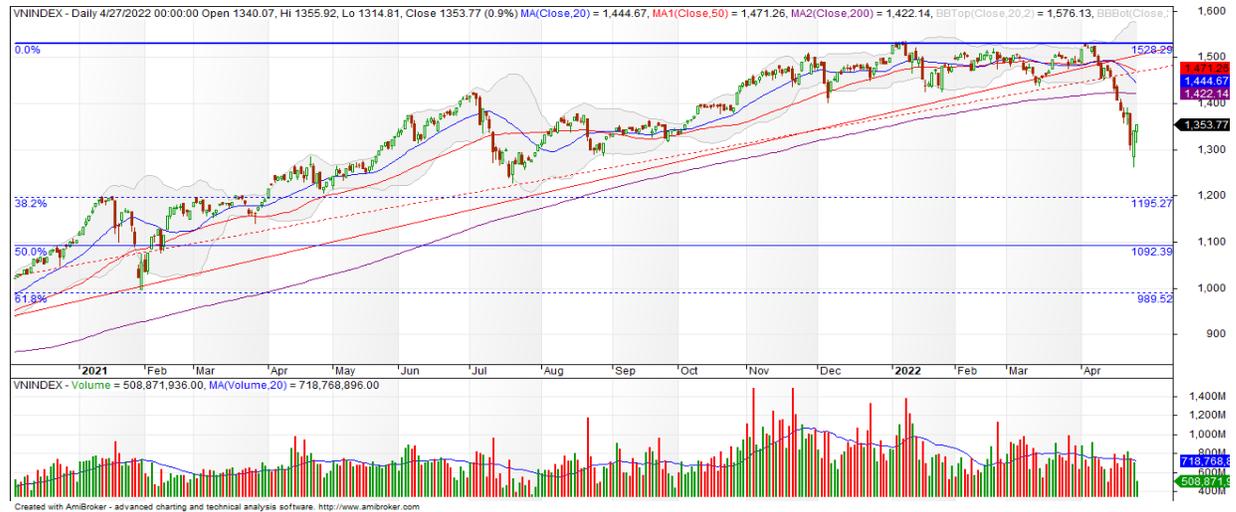
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều thấp hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 1 đến 2 điểm cho thấy các nhà giao dịch đang kỳ vọng thị trường sẽ giằng co và đi ngang trong phiên giao dịch tới.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/4/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index



VN-Index hồi phục phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng nhẹ (+0,92%) với thanh khoản khớp lệnh tiếp tục suy giảm so với phiên hồi phục trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là nhà đầu tư có vẻ đang khá thờ ơ với thị trường ở thời điểm hiện tại sau cú sụt giảm mạnh trước đó và phía trước là kỳ nghỉ lễ kéo dài 4 ngày cũng là một trong các nguyên nhân khiến thanh khoản giảm mạnh.

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay (+0,93%) thì chỉ số VN-Index đã lấy lại được ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) cho nên VN-Index xác nhận quay trở lại sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Tuy nhiên, nếu không thể trụ vững trên ngưỡng 1.350 điểm thì VN-Index sẽ lại bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/4, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số này là ngưỡng tâm lý 1.400 điểm đã đánh mất trước đó.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trong bối cảnh sắp nghỉ lễ thì thị trường có thể sẽ lui về test ngưỡng hỗ trợ quanh 1.350 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy vùng giá thấp.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau hai phiên hồi phục liên tiếp thì thị trường đã lấy lại được một phần số điểm đã mất trong tháng 4 này. Tuy nhiên, mức giảm đối với VN-Index trong tháng 4/2022 hiện vẫn đang là 9,3% giá trị vốn hóa. Do đó, định giá P/E của VN-Index (15 lần) và VN30 (14 lần) vẫn là tương đối hấp dẫn khi đều thấp hơn mức trung bình 5 năm gần nhất một chút. Điều này được kỳ vọng sẽ tiếp tục thúc đẩy được lực cầu trong phiên tiếp theo.

Góc nhìn về mặt kỹ thuật cũng đang có xu hướng ủng hộ cho đà hồi phục hiện tại khi mà VN-Index đã lấy lại được ngưỡng 1.350 điểm trong phiên hôm nay để mở ra cơ hội một lần nữa bước vào sóng tăng 5 để hướng đến mục tiêu của sóng này theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm. Ngưỡng 1.350 điểm sẽ tiếp tục là cứ điểm quan trọng để xác nhận xu hướng của thị trường.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/4, VN-Index có thể tiếp tục hồi phục để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Đối với những nhà đầu tư dài hạn, nếu thị trường điều chỉnh sẽ là cơ hội để nâng tỷ trọng trong danh mục các cổ phiếu có cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.

Đối với những nhà đầu tư tham gia vào những giao dịch ngắn hạn hơn có thể tham khảo danh mục cổ phiếu theo dõi của chúng tôi trong bản tin. Đây là những mã đã được lọc qua bộ lọc được chứng minh tính hiệu quả trong quá khứ.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/4/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
CTG	28.3	27.5-28.5	31-33	26	9.7	0.0%	2.9%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 28+-
BSR	21.6	20.5-21.7	24-25	19.5	10.0	74.4%	338.2%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 21+-
TDC	16.3	15-16	20-21	14	13.5	3.9%	-38.0%	Giải ngân đầu cơ 5-10% NAV khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 15.5+-
HPG	42.5	41-42.7	51-53	40	5.5	66.1%	156.3%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 42+-

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/04/2022	PVT	19.65	19	23-23.7	18	3.42%	Giải ngân giá 19
27/04/2022	PAN	25.3	25	30-31	24	1.20%	Giải ngân giá 25
27/04/2022	PLC	33.5	31.7	36-38	29	5.68%	Giải ngân giá 31.7
27/04/2022	SAM	12.5	11.6	14-14.5	10	7.76%	Giải ngân giá 11.6



TIN VÍ MÔ

**Vốn FDI giảm tháng thứ 3 liên tiếp**

Tổng vốn FDI đăng ký cấp mới 4 tháng đầu năm đạt trên 10,8 tỷ USD, giảm gần 12% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 4 là lần thứ 3 liên tiếp ghi nhận vốn FDI đăng ký cấp mới giảm. Bình Dương là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI với tổng vốn đăng ký đạt gần 2,35 tỷ USD, gấp hơn 4,9 lần so với cùng kỳ 2021.

**Sẽ bỏ khai báo y tế, nghiên cứu coi Covid-19 như bệnh thông thường**

Cục Y tế Dự phòng đang xây dựng các hướng dẫn để bỏ khai báo y tế phòng chống dịch Covid-19 nội địa trong thời gian tới. Từ khi Covid-19 xuất hiện, khai báo y tế là một trong 5 biện pháp phòng dịch đơn giản nhưng hữu hiệu, còn gọi thông điệp 5K.

**Cả Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế đều đưa ra một cảnh báo nền kinh tế toàn cầu đang hụt hơi.**

Nhiều quốc gia đang phát triển đứng trước áp lực không nhỏ. 10 năm qua, nhiều nước đã gia tăng vay nợ nhằm đối phó với hệ quả cuộc khủng hoảng tài chính 2008 và gần đây nhất là đại dịch COVID-19. Hiện tại, lãi suất đang có xu hướng tăng lên. Theo Ngân hàng Thế giới, gánh nặng giá nhiên liệu, phân bón, thực phẩm và có thể sẽ là lãi suất, tất cả đều sẽ có ảnh hưởng lớn và gây những lo ngại sâu sắc tới các quốc gia đang phát triển.

**Xăng, dầu liên tục tăng giá: Kinh doanh vận tải bên 'miệng vực'**

Doanh nghiệp vận tải vừa đối mặt với việc không có khách, nay giá xăng, dầu lại tăng lần thứ 8 trong năm khiến đối mặt với nguy cơ phá sản, vỡ nợ...

**Doanh thu kinh tế số Việt Nam đạt 53 tỷ USD trong quý 1/2022**

Theo thông tin từ phiên họp sáng 27/4 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì, doanh thu kinh tế số quý 1/2022 đạt khoảng 53 tỷ USD.



TIN DOANH NGHIỆP

**REE chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu**

REE Corporation ra thông báo phát hành gần 46,4 triệu cổ phiếu để trả số cổ tức năm 2021 còn lại theo tỷ lệ 15%. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 18/5.

**FPTS lãi quý I tăng hơn 46% nhờ doanh thu môi giới và lãi cho vay**

Doanh thu hoạt động quý I tăng 54,6% so với cùng kỳ, đạt gần 365 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 213,1 tỷ đồng. Kết thúc quý I, doanh thu đạt 33,5% trong khi lợi nhuận hoàn thành 37,3% kế hoạch năm. Khoản đầu tư vào May Sông Hồng lãi 51 tỷ đồng sau 3 tháng đầu năm.

**Hòa Phát lãi quý I tăng 17%, tung sản phẩm điện gia dụng từ quý III**

Doanh thu tập đoàn quý I tăng 41% và lợi nhuận tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Dự kiến quý III/2022, những sản phẩm điện gia dụng đầu tiên của Hòa Phát sẽ ra mắt thị trường.

**Gelex lãi ròng quý I tăng 6%, đầu tư cổ phiếu tăng 1.150 tỷ đồng**

Lợi nhuận sau thuế quý I tăng 138% so với cùng kỳ năm trước, riêng phần lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ tăng gần 6%. Lợi nhuận quý I tăng mạnh chủ yếu nhờ việc sở hữu chi phối tại Tổng công ty Viglacera từ quý II/2021.

**Chuỗi Bách Hóa Xanh – ‘Nỗi muộn phiền’ của Chủ tịch Nguyễn Đức Tài**

Sau 3 tháng cao trào Covid-19 trong năm 2021, Bách Hóa Xanh là 1 mớ hỗn độn và đến tận bây giờ chuỗi này vẫn đang phải đi giải quyết hậu quả của ngày tháng ‘có hàng là được’. Bách Hóa Xanh bết bát tới mức: ‘công thần’ Trần Kinh Doanh phải từ nhiệm và Chủ tịch Nguyễn Đức Tài vào cuộc. Dù đang dần khởi sắc, song việc chuỗi này khi nào có thể có lời vẫn rất khó trả lời.

**Doanh thu bán bia tăng mạnh, Sabeco báo lãi ròng quý 1 tăng 27%**

Doanh thu tăng cộng thêm chi phí vận hành giảm nhẹ là những yếu tố giúp Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco, HOSE: SAB) có lãi ròng tăng 27% trong quý đầu năm 2022, lên gần 1,171 tỷ đồng.

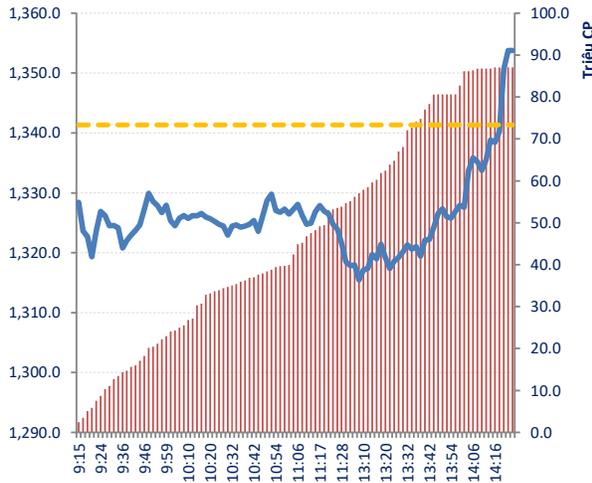
**HAG báo lãi ròng 250 tỷ đồng trong quý 1, phải thu Lê Me hơn 3.8 ngàn tỷ đồng**

Biên lãi gộp cải thiện và không phải ghi khoản chi phí quản lý lớn, CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) có lãi trong quý 1/2022. Các khoản phải thu từ cho vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Trong đó, phần đối với các bên liên quan chiếm chủ yếu.

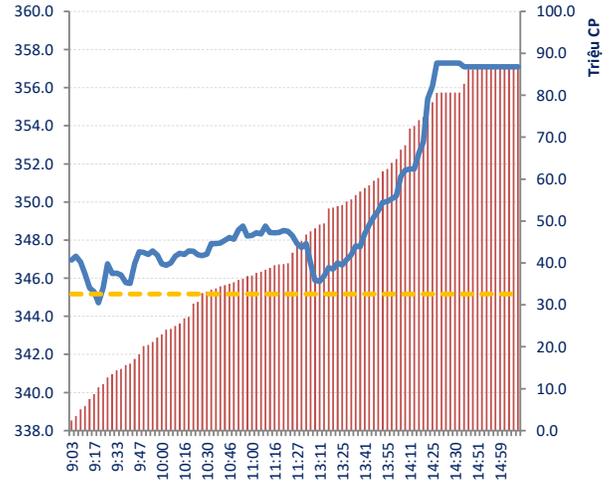


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

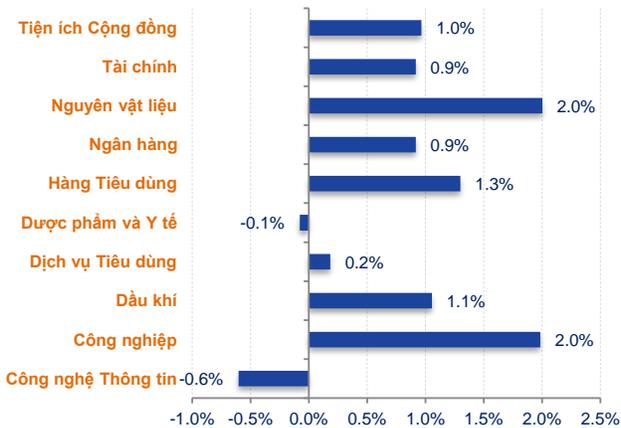
#### KLGD và VN-Index trong phiên



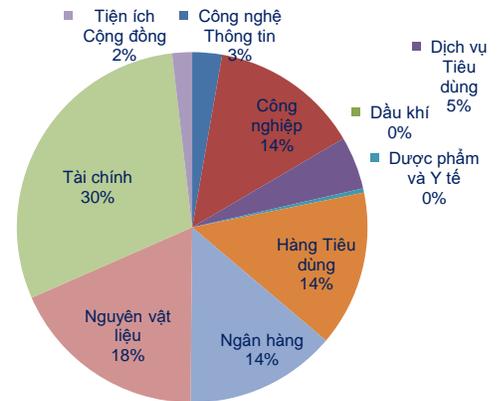
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



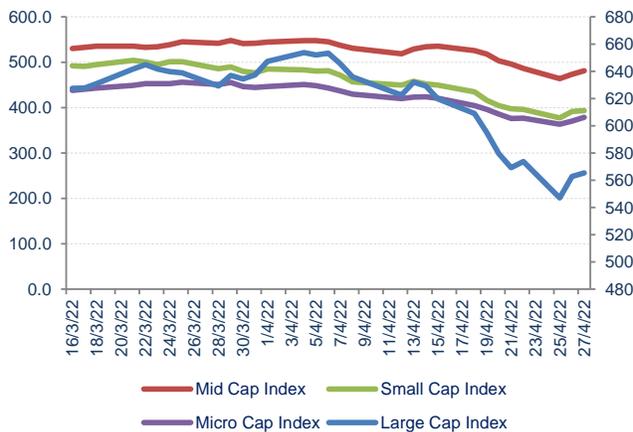
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



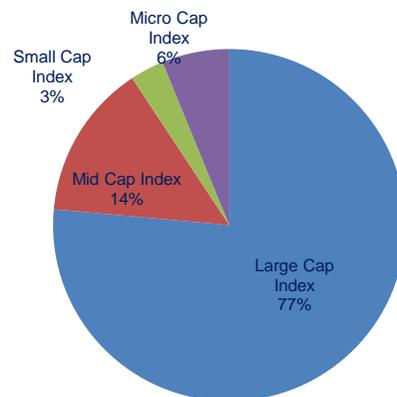
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	920,800	VND	1,442,700	1	PVS	95,579	SHS	27,600
2	STB	673,000	HAG	1,249,200	2	KLF	18,700	TOT	11,500
3	E1VFN30	507,800	HQC	1,076,700	3	NDX	16,500	AMC	10,600
4	BCM	437,700	DXG	1,067,100	4	QTC	10,000	LAS	5,500
5	MSN	301,900	KBC	827,600	5	GKM	9,900	API	2,600

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	41.20	42.50	↑ 3.16%	19,530,500	NVB	35.80	36.50	↑ 1.96%	11,338,674
ROS	4.35	4.65	↑ 6.90%	18,918,000	PVS	23.60	24.00	↑ 1.69%	8,549,478
FLC	7.28	7.78	↑ 6.87%	17,725,500	KLF	4.20	4.60	↑ 9.52%	6,292,034
HAG	9.74	10.20	↑ 4.72%	14,344,600	HUT	26.00	28.60	↑ 10.00%	4,957,168
ITA	11.65	12.45	↑ 6.87%	13,099,500	IDC	50.50	55.50	↑ 9.90%	4,624,460

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDH	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%	VC9	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
FTM	3.00	3.21	0.21	↑ 7.00%	CSC	74.00	81.40	7.40	↑ 10.00%
CIG	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%	HUT	26.00	28.60	2.60	↑ 10.00%
YEG	17.15	18.35	1.20	↑ 7.00%	MCO	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
MCG	5.43	5.81	0.38	↑ 7.00%	VGS	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	10.10	9.40	-0.70	↓ -6.93%	KKC	25.00	22.50	-2.50	↓ -10.00%
SMA	9.60	8.96	-0.64	↓ -6.67%	QTC	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
CEE	15.15	14.30	-0.85	↓ -5.61%	SDN	53.50	48.20	-5.30	↓ -9.91%
BFC	33.40	32.00	-1.40	↓ -4.19%	PMP	23.30	21.00	-2.30	↓ -9.87%
VSH	29.80	28.60	-1.20	↓ -4.03%	LDP	24.70	22.30	-2.40	↓ -9.72%

(\*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	258.93	15.8%	2,279	26.4	3.9
VPB	124.32	22.7%	3,891	9.4	1.7
MWG	90.50	27.3%	6,879	21.6	5.2
MSN	81.88	25.4%	6,055	19.2	3.2
VIC	78.33	-1.7%	(650)	-	1.9

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-42.41	46.0%	7,708	5.3	2.0
BCM	-34.80	8.2%	1,357	57.7	4.7
CTG	-17.55	15.7%	2,932	9.4	1.4
DGC	-15.33	58.0%	20,107	11.1	5.0
GAS	-13.21	17.1%	4,531	24.1	4.0

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	6.40	10.8%	2,265	21.1	2.2
SCR	3.80	3.8%	511	32.7	1.2
VHM	3.68	35.2%	8,991	7.2	2.2
VNM	3.32	30.3%	5,042	15.1	4.4
ROS	1.68	1.6%	168	25.9	0.4

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	-3.06	44.5%	7,430	17.5	6.5
CTR	-2.10	31.6%	4,038	23.3	8.0
TMS	-1.56	19.6%	6,873	15.4	3.2
JVC	-0.74	-5.5%	(228)	-	1.8
HTN	-0.71	19.0%	2,793	14.3	2.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	59.44	46.0%	7,708	5.3	2.0
DXG	17.40	10.3%	1,936	17.9	1.6
HSG	12.93	47.7%	8,931	3.2	1.2
KOS	9.98	1.3%	137	265.1	3.4
PAN	8.33	4.3%	1,418	17.6	0.7

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-221.93	15.8%	2,279	26.4	3.9
VPB	-124.32	22.7%	3,891	9.4	1.7
MSN	-117.48	25.4%	6,055	19.2	3.2
MWG	-90.50	27.3%	6,879	21.6	5.2
TCB	-46.07	21.5%	5,148	8.1	1.6

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	38.43	58.0%	20,107	11.1	5.0
MSN	35.01	25.4%	6,055	19.2	3.2
BCM	34.63	8.2%	1,357	57.7	4.7
GAS	28.82	17.1%	4,531	24.1	4.0
CTG	25.67	15.7%	2,932	9.4	1.4

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-44.94	12.3%	480	65.6	1.6
DXG	-37.65	10.3%	1,936	17.9	1.6
DIG	-37.24	15.8%	2,279	26.4	3.9
VIC	-36.36	-1.7%	(650)	-	1.9
KBC	-35.11	5.8%	1,582	26.3	1.6



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	19,530,500	46.0%	7,708	5.3	2.0
ROS	18,918,000	3250.0%	168	25.9	0.4
FLC	17,725,500	0.7%	119	61.2	0.5
HAG	14,344,600	2.8%	219	44.5	1.9
ITA	13,099,500	2.4%	279	41.8	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	11,338,674	0.0%	0	93,940.1	3.4
PVS	8,549,478	4.7%	1,258	18.8	0.9
KLF	6,292,034	0.4%	37	113.3	0.4
HUT	4,957,168	1.8%	227	114.7	2.4
IDC	4,624,460	9.6%	1,514	33.3	3.2

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDH	↑ 7.0%	-59.0%	(8,315)	-	1.6
FTM	↑ 7.0%	-165.8%	(4,416)	-	3.5
CIG	↑ 7.0%	10.1%	522	17.2	1.8
YEG	↑ 7.0%	2.3%	633	27.1	0.8
MCG	↑ 7.0%	-17.0%	(707)	-	1.7

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC9	↑ 10.0%	3.1%	155	70.9	13.1
CSC	↑ 10.0%	12.8%	2,274	32.5	4.0
HUT	↑ 10.0%	1.8%	227	114.7	2.4
MCO	↑ 10.0%	0.2%	25	200.7	0.4
VGS	↑ 10.0%	16.2%	3,062	6.5	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	920,800	15.7%	2,932	9.4	1.4
STB	673,000	10.8%	1,855	14.8	1.5
E1VFN30	507,800	N/A	N/A	N/A	N/A
BCM	437,700	8.2%	1,357	57.7	4.7
MSN	301,900	25.4%	6,055	19.2	3.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	95,579	4.7%	1,258	18.8	0.9
KLF	18,700	0.4%	37	113.3	0.4
NDX	16,500	4.3%	545	14.3	0.6
QTC	10,000	16.6%	2,678	6.3	1.1
GKM	9,900	14.7%	1,923	27.0	3.9

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	380,968	21.6%	4,632	17.4	2.7
VIC	297,487	-1.7%	(650)	-	1.9
VHM	283,034	35.2%	8,991	7.2	2.2
GAS	208,621	17.1%	4,531	24.1	4.0
BID	186,660	12.7%	2,084	17.7	2.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	38,430	21.8%	2,805	39.1	6.1
KSF	32,340	9.0%	1,373	78.5	5.4
NVB	19,934	0.0%	0	93,940.1	3.4
VCS	16,320	40.6%	11,096	9.2	3.3
IDC	15,150	9.6%	1,514	33.3	3.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.35	-2.8%	(310)	-	0.5
TGG	3.27	27.5%	3,339	3.5	0.7
PTC	3.18	23.3%	1,881	10.4	1.0
NVT	3.16	-10.5%	(552)	-	2.6
PTL	3.06	3.6%	275	26.5	1.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	2.79	2.7%	362	104.2	2.7
PVL	2.14	7.0%	343	20.4	1.4
APS	2.02	62.2%	9,839	1.6	0.9
VXB	2.01	14.0%	1,094	14.1	1.8
ART	1.92	3.0%	350	16.0	0.5



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---